

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHO QUAN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 20/4/2021

“V/v: Không công nhận là vợ chồng, tranh chấp về nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHO QUAN - TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Tạ Khắc Nghĩa.

2. Ông Lưu Danh Sử.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

Ngày 20/4/2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện Nho Quan mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 25/2021/TLST-HNGĐ ngày 24/02/2021 về việc “Không công nhận là vợ chồng, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/3/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phùng Thị Ph, sinh năm 1973.

Tên gọi khác: Không.

Địa chỉ: Phố S, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1965.

Tên gọi khác: Không.

Địa chỉ: Phố S, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Ninh Bình.

(Chị Ph có mặt; anh T - có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24/02/2021 và các lời khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Phùng Thị Ph trình bày:

Năm 2000 chị Phùng Thị Ph và anh Nguyễn Văn T tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương tại thành phố Bà Rịa Vũng Tàu, không đăng ký kết hôn. Sau

khi tổ chức lễ cưới chị Ph, anh T chung sống tại thành phố Bà Rịa Vũng Tàu đến năm 2005 thì chuyển về chung sống tại phố S, thị trấn Q, huyện Q. Quá trình chung sống chị Ph, anh T sống hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến anh chị thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh chửi lẫn nhau. Nguyên nhân chính dẫn tới mâu thuẫn giữa hai anh, chị là do bất đồng quan điểm về cách sống giữa hai miền Nam, Bắc và lựa chọn nơi ở chung. Chị Ph muốn sinh sống tại Nho Quan, anh T muốn về thành phố Vũng Tàu. Ngoài ra còn do anh T thường xuyên đánh bài bạc, không tu chí làm ăn, chăm lo hạnh phúc gia đình. Chị Ph đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh T không thay đổi. Nay chị Ph nhận thấy mâu thuẫn giữa chị và anh T đã trầm trọng và không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị đề nghị Tòa giải quyết không công nhận chị và anh T là vợ chồng .

Về con chung: Chị Phùng Thị Ph, anh Nguyễn Văn T có 03 con chung là các cháu Nguyễn Anh Đ, sinh ngày 28/10/2001, Nguyễn Đức A, sinh ngày 17/4/2004 và Nguyễn Hồng Ng, sinh ngày 04/02/2016. Hiện cháu Anh Đ đã thành niên tự lập được cuộc sống, chị Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng. Đối với cháu Đức A và cháu Hồng Ng, chị Ph đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 cháu cho đến khi các cháu thành niên, tự lập được cuộc sống. Chị Ph không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay anh T sức khỏe yếu, đi làm chỉ đủ để nuôi bản thân.

Về tài sản chung: Chị Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Năm 2000 anh Nguyễn Văn T và chị Phùng Thị Ph tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, mâu thuẫn xảy ra giữa chị Ph, anh T đúng như chị Ph đã trình bày. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa anh, chị là do bất đồng quan điểm cách sống giữa hai miền Nam, Bắc và lựa chọn nơi ở chung chứ không phải là do anh T không tu chí làm ăn và chơi bài bạc. Việc anh T có đánh bạc đã xảy ra từ lâu đến nay anh T không chơi bài bạc nữa. Chị Ph đề nghị Tòa án không công nhận anh và chị Ph là vợ chồng anh T cũng nhất trí.

Về con chung: Anh T xác định quá trình chung sống anh T và chị Ph có 03 con chung là các cháu Nguyễn Anh Đ, sinh ngày 28/10/2001, Nguyễn Đức A, sinh ngày 17/4/2004 và Nguyễn Hồng Ng, sinh ngày 04/02/2016. Hiện cháu Anh Đ đã đủ 18 tuổi trưởng thành tự lập được nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng. Đối với cháu Đức A và cháu Hồng Ng đang ở với anh T, chị Ph. Nếu Tòa án giải quyết không công nhận anh T, chị Ph là vợ chồng, anh T cũng

nhất trí để chị Ph trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu vì bản thân anh T sức khỏe yếu không thể chăm sóc cho các cháu được, anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con của anh và chị Ph.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm, tại Đơn xin xử vắng mặt của anh T vẫn giữ nguyên quan điểm như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Phùng Thị Ph khởi kiện đề nghị không công nhận là vợ chồng và giải quyết tranh chấp việc nuôi con chung với anh Nguyễn Văn T cư trú tại phố S, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện Nho Quan thụ lý giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị Ph theo quy định tại khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chị Phùng Thị Ph và anh Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 đến nay, không đăng ký kết hôn. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì trong thời hạn hạn 02 năm kể từ ngày luật hôn nhân gia đình năm 2000 có hiệu lực pháp luật cho đến ngày 01/01/2003; chị Ph, anh T không đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kết hôn theo quy định. Chị Ph, anh T có thời gian dài chung sống với nhau và có 03 con chung theo quy định tại Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ tư pháp ngày 06/01/2016 về hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình: trường hợp chị Ph, anh T chung sống với nhau không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận anh chị là vợ chồng. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị Ph.

Về việc nuôi con chung: Chị Phùng Thị Ph, anh Nguyễn Văn T có 03 con chung là các cháu Nguyễn Anh Đ, sinh ngày 28/10/2001, Nguyễn Đức A, sinh ngày 17/4/2004 và Nguyễn Hồng Ng, sinh ngày 04/02/2016. Hiện cháu Anh Đ đã

thành niên, trưởng thành tự lập được cuộc sống, chị Ph, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng là có căn cứ. Đối với cháu Đức A và cháu Hồng Ng; anh T, chị Ph thống nhất thỏa thuận: chị Ph trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 cháu cho đến khi các cháu đã thành niên, tự lập được cuộc sống, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu Đức A nên cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Ph, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các điều 5; 28, 147, 227, 228, 266, 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 9; Điều 14 và khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82 và Điều 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị Ph.
2. Xử: không công nhận chị Phùng Thị Ph và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.
3. Về việc nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Văn T, chị Phùng Thị Ph: Chị Phùng Thị Ph trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 17/4/2004 và Nguyễn Hồng Ng, sinh ngày 04/02/2016 đến khi các cháu trưởng thành và tự lập được cuộc sống. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.
4. Về án phí dân sự sơ thẩm:
Chị Phùng Thị Ph phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được đối trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị Ph đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0000223 ngày 24/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nho Quan.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Nho Quan;
- Chi cục THADS huyện Nho Quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

NGUYỄN ANH TUẤN